

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 4 năm 2018
V/v: T/c HN&GD-xin Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 01. Ông: Từ Tứ Hải
 - 02. Ông: Đinh Khắc Việt
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni-Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
- *Đại diện-Viện kiểm sát nhân dân huyện H:* Không tham gia

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2017/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2017, về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm: 1977 (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh C, sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc xin ly hôn và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn chị L nh- sau: Tôi với anh C chung sống với nhau vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn phù hợp, từ đó gia đình thường xảy ra bất hòa trong cuộc sống nên tôi thấy không thể tiếp tục sống chung được nữa nên yêu cầu xin được ly hôn, về con cái có 01 con chung tên P, ngày 17 tháng 6 năm 2004; về tài sản và nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 22 tháng 01 năm 2018 và các lời trình bày tiếp theo của bị đơn anh C như sau: Xác định lời khai của chị L là đúng về quan hệ hôn nhân, con cái và tài sản, nay anh cũng đồng ý ly hôn, về con chung anh xin, không yêu cầu chị L cấp dưỡng, về tài sản và nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Anh C là bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật dân sự, xử vắng mặt anh C.

[2] Ngày 22 tháng 01 năm 2018, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đối chất đối với hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn về phần con cái để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết phần con cái trong vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị L và anh C đã được chị L và anh C thống nhất tự thỏa thuận được với nhau như sau: Chị L đồng ý giao cháu P, ngày 17 tháng 6 năm 2004 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, chị L giữ nguyên yêu cầu là xin được ly hôn với anh C, về con cái chị L tự nguyện giao cháu P, ngày 17 tháng 6 năm 2004 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản và nợ thì không có, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn về phần anh C cũng đồng ý ly hôn và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng, về tài sản và nợ thì không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ giữa chị L và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 và 02 người đã có 01 đứa con chung nhưng do không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 14 như sau:

“Khoản 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này...”

Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị L và anh C không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Tòa án có căn cứ để xử không công nhận là vợ chồng giữa chị L đối với anh C.

[5] Về con chung có 01 đứa tên P, ngày 17 tháng 6 năm 2004, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị L tự nguyện giao cháu P cho

anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, đồng thời đây cũng là nguyện vọng của cháu P; Phần cấp dưỡng nuôi con, anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nghĩ nên miễn xét.

[6] Về tài sản và nợ theo lời của chị L và anh C xác định là vợ chồng không có tài sản và nợ, nghĩ nên miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007684, ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Xử không công nhận giữa chị L với anh C là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị L và anh C như sau: Anh C được tiếp tục nuôi cháu P, ngày 17 tháng 6 năm 2004 cho đến trưởng thành, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con, chị L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản và nợ: Không có, miễn xét:

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007684, ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 4 năm 2018, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THA huyện Tân Hiệp;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán-Chủ Tọa phiên tòa